TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 07 - 01 – 2021
V/v: "T/c Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Soan
bà Phạm Thị Bích Loan

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020; về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 311/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Vũ Thị T, sinh năm 1955; nơi cư trú:, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Đinh Ngọc Â, sinh năm 1971; địa chỉ: xã C, huyện P, tỉnh Gia Lai

Bị đơn: ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1966, bà Huỳnh Thị Thanh T2, sinh năm 1970; cùng địa chỉ:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người làm chứng: chị Đoàn Vũ Thúy V, sinh năm 1976; địa chỉ:, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2019, bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: do quen biết ông T1, bà T2 có vay của bà T số tiền 1.700.000.000 đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng), ngày 26/8/2019 ông T1, bà T2 có ký giấy mượn tiền để xác nhận số nợ trên, đây là tài sản riêng của bà T vì chồng bà T là ông Đoàn Văn Quang chết từ năm 2003, chị Đoàn Vũ Thúy V là con của bà T cũng cam kết đây là tài sản riêng

của bà T. Ông T1, bà T2 có hứa sẽ trả bà T mỗi tháng là 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng) bao gồm cả một phần tiền gốc và tiền lãi theo tháng. Sau ba tháng sẽ trả hết cả tiền gốc và tiền lãi còn lại. Tuy nhiên từ khi làm giấy mượn tiền cho đến nay thì ông T1, bà T2 không trả tiền gốc và lãi như đã cam kết. Bà T đã nhiều lần hối thúc đòi nợ, nhưng ông T, bà T nhưng chỉ hứa hẹn mà không chịu trả tiền. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà T2 phải trả ngay cho bà T số tiền gốc 1.700.000.000 đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng), bà T không yêu cầu ông T1, bà T2 trả tiền lãi đối với số tiền này. Nếu từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số nợ trên mà bị đơn vẫn không trả tiền thì số tiền còn nợ sẽ được tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày chậm trả tiền.

Do bị đơn không tới tòa án tham gia tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: theo giấy mượn tiền ngày 26/8/2019 trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thì bị đơn có vay nguyên đơn tổng số tiền gốc là 1.700.000.000 đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng), đến thời hạn trả nợ mà bị đơn vẫn nợ toàn bộ số tiền này. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Bà T có cho ông T1, bà T2 vay số tiền 1.700.000.000 đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng). Do bên vay không trả tiền nên bà T khởi kiện, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1, bà T2 có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[4] Về nội dung:

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: theo Giấy mượn tiền ngày 26/8/2019 trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thì việc bà T cho ông T1, bà T2 vay số tiền nêu trên là có thật. Nguyên đơn yêu cầu ông T1, bà T2 phải trả ngay cho bà T số tiền gốc 1.700.000.000 đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng) là tiền riêng của bà T như đã trình bày là có cơ sở chấp nhận.

[6] Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Hội đồng xét xử thống nhất: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông T1, bà T2 phải trả cho bà T số tiền gốc 1.700.000.000 đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng) không tính lãi, trả ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1, bà T2 chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1, bà T2 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T1, bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 63.000.000 đ (sáu mươi ba triệu đồng). Khi nộp đơn khởi kiện bà T có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi và đã được Tòa án chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên Hội đồng xét xử không cần xét việc hoàn lại án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Công T1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 phải trả bà Vũ Thị T số tiền gốc là 1.700.000.000 đ (một tỷ bảy trăm triệu đồng) không tính lãi, trả ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1, bà T2 chưa trả số

tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1, bà T2 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Công T1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 63.000.000 đ (sáu mươi ba triệu đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thế Viễn